

BÁO CÁO

**Sơ kết 03 năm thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025**

Thực hiện nội dung Công văn số 1712/SNNPTNT-NTM ngày của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phối hợp sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND huyện Lý Sơn báo cáo cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2023

I. Công tác chỉ đạo, quản lý thực hiện chương trình

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia, công tác điều hành, quản lý, tổ chức thực hiện

- Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện thực hiện theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND huyện Lý Sơn về việc kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Lý Sơn giai đoạn 2021-2025 do đồng chí Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban; đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện phân công phụ trách lĩnh vực kinh tế làm Phó Trưởng ban Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan là ủy viên của Ban Chỉ đạo. Hoạt động của Ban Chỉ đạo là giúp UBND huyện chỉ đạo, triển khai thực hiện, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025.

- Bộ phận giúp việc cho Ban Chỉ đạo: Phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn là cơ quan Thường trực, chủ trì, tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các chương trình luôn chặt chẽ, kịp thời nhằm thực hiện đúng mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, giải ngân đúng kế hoạch vốn được giao.

2. Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

- UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 30/8/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo

bền vững trên địa bàn huyện Lý Sơn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Lý Sơn năm 2022; Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Lý Sơn thành lập Đoàn giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Lý Sơn năm 2022; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 10/02/2023 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Lý Sơn năm 2023.

3. Công tác Truyền thông, thông tin các chương trình mục tiêu quốc gia

- Thực hiện tuyên truyền bằng băng rôn, pano phong trào thi đua “ Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực tự cường, phát huy nội lực vươn lên “ thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng phấn đấu “ vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

- Tổ chức xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo như tin, bài, phóng sự phát thanh, chuyên mục và tuyên truyền xe thông tin lưu động.

- Kết quả thực hiện:

+ Đã thực hiện làm 10 tấm băng rôn treo tại địa bàn An Hải và An Vĩnh; 01 cụm đặt tại khu vực Chợ An Hải và 01 cụm đặt gần Đồn Biên phòng Lý Sơn.

+ Thực hiện xây dựng phóng sự phát thanh, xây dựng tin không có tiếng động, tin có tiếng động, xây dựng bài, chuyên mục, xây dựng phóng sự truyền hình, tuyên truyền về xe thông tin lưu động cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch	Kết quả thực hiện	Số % đạt được
1	Tuyên truyền phóng sự phát thanh	8	8	100%
2	Tuyên truyền tin không có tiếng động	50	50	100%
3	Tuyên truyền tin có tiếng động	43	43	100%
4	Tuyên truyền bài	49	49	100%
5	Tuyên truyền chuyên mục	5	5	100%
6	Tuyên truyền phóng sự truyền hình	5	5	100%
7	Tuyên truyền lưu động	6 lượt	6 lượt	100%
8	Tuyên truyền bằng khẩu hiệu băng rôn	10 tấm	10 tấm	100%
9	Tuyên truyền bằng Pano	2 cụm	2 cụm	100%

4. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện

UBND huyện đã thành lập Đoàn giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Lý Sơn năm 2022 tại Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 18/10/2022. Đoàn giám sát thực hiện giám sát các Chương trình thực hiện trong năm 2022. Qua kiểm tra, giám sát tại các phòng, ban, đơn vị, đã phát huy những ưu điểm và khắc phục những khuyết điểm còn tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện dự án và công tác giảm nghèo. Các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp chặt chẽ trong quá trình kiểm tra nên công tác kiểm tra được hoàn thành theo kế hoạch. Việc kiểm tra, đánh giá luôn khách quan, phản ánh đúng thực tế của đợt kiểm tra.

II. Công tác cân đối ngân sách, huy động nguồn lực, quản lý, sử dụng nguồn lực

1. Cân đối ngân sách Nhà nước

1.1. Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Giai đoạn 2021-2023 đã phân bổ kế hoạch vốn là 1.263 triệu đồng, trong đó, năm 2022 phân bổ là 263 triệu đồng để thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đã giải ngân 263 triệu đồng, đạt 100%; năm 2023 phân bổ kế hoạch vốn là 1.000 triệu đồng, để hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất, hiện đang triển khai thực hiện.

1.2. Ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Giai đoạn 2021-2023 đã phân bổ kế hoạch vốn là 290 triệu đồng, trong đó, năm 2022 phân bổ là 211 triệu đồng để thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đã giải ngân 211 triệu đồng, đạt 100%; năm 2023 phân bổ kế hoạch vốn là 168 triệu đồng, để thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Ocop) và công tác tuyên truyền tập huấn, hiện đang triển khai thực hiện.

(Chi tiết cụ thể có phụ lục II.3 kèm theo)

2. Huy động nguồn lực khác: Chưa có.

3. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các Chương trình: Chưa có

4. Quản lý và sử dụng nguồn lực

- Thực hiện đúng mục tiêu của chương trình được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Công tác triển khai thực hiện đúng quy định của nhà nước về thủ tục đầu tư.

- Công tác thanh toán vốn theo hướng dẫn tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản khác có liên quan.

III. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần:

- Năm 2022 giao kinh phí là 385 triệu đồng (trong đó, ngân sách Trung ương là 263 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 122 triệu đồng) để thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, đã thực hiện và giải ngân đạt 100%.

- Năm 2023 đã giao kinh phí là 1.168 triệu đồng (ngân sách Trung ương là 1.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 168 triệu đồng) trong đó:

+ Nội dung thành phần số 3, nội dung 2: Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất kinh phí 1.000 triệu đồng, nguồn ngân sách Trung ương, hiện đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân.

+ Nội dung thành phần số 3, nội dung 4: Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP) kinh phí là 120 triệu đồng, nguồn ngân sách tỉnh, hiện đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân.

+ Nội dung thành phần số 11, nội dung 2: Tuyên truyền, tập huấn kinh phí là 48 triệu đồng, nguồn ngân sách tỉnh, hiện đang triển khai thực hiện, chưa giải ngân.

IV. Đánh giá kết quả chung đạt được

1. Đánh giá chung

- Công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã có những bước chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực. Bộ máy quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã được kiện toàn; Công tác lập kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia có tầm nhìn trung hạn gắn giữa kế hoạch 5 năm và kế hoạch hằng năm.

- Công tác truyền thông, thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia được chú trọng đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

- Công tác đào tạo nghề cho đối tượng nghèo, cận nghèo gặp nhiều khó khăn, đa số hộ nghèo, cận nghèo là hộ có đối tượng bảo trợ, người già yếu mất sức lao

động, những đối tượng trong độ tuổi lao động thì chủ yếu làm nông nghiệp, đi biển, số lao động tham gia học nghề không cùng một ngành nghề rất khó khăn cho việc mở lớp.

- Hoạt động dạy nghề cần có thời gian thông báo tuyển sinh, thời gian tổ chức lớp học;

- Các hoạt động khác liên quan đến Sàn giao dịch việc làm; định hướng nghề nghiệp phụ thuộc vào các sở, ngành chuyên môn nên ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

b. Nguyên nhân

- Năm 2022 là năm đầu tiên thực hiện Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025 nên các chế độ chính sách chưa có hướng dẫn thực hiện cụ thể và chưa kịp thời nên một số chương trình giảm nghèo chưa triển khai được.

- Kinh phí giao vào thời điểm cuối năm nên một số nhiệm vụ không thực hiện được do thời tiết cuối năm biến động.

- Tỷ lệ hộ nghèo có đối tượng Bảo trợ xã hội khá cao nên công tác vận động, giúp đỡ người dân phát triển kinh tế hộ gia đình để vươn lên thoát nghèo gặp khó khăn.

- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn do trong hộ có đông người ăn theo, ngoài độ tuổi lao động, bệnh tật kéo dài, đối tượng bảo trợ (người khuyết tật, người cao tuổi,...) dẫn đến việc không có lao động tham gia sản xuất tăng thu nhập hộ gia đình.

- Một số hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu vay vốn nhưng quá trình đầu tư làm ăn kém hiệu quả. Bên cạnh đó, một số mô hình mới chưa thể hiện tính hiệu quả nên việc triển khai nhân rộng gặp nhiều khó khăn.

V. Bài học kinh nghiệm

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành và quản lý Chương trình:

- + Các cấp ủy, chính quyền phải thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo, xác định giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; gắn việc hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo với trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy các cấp, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- + Phải đặt người nghèo, hộ nghèo vào vị trí chủ thể, trung tâm của hoạt động giảm nghèo; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục để thay đổi căn bản tư duy, nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên và toàn xã hội, đặc biệt là giải phóng tư tưởng để người dân phát huy tinh thần tự lực, tự trọng, có khát vọng và chủ động nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình:

+ Phải xác định rõ nguyên nhân của tình trạng đói nghèo của hộ gia đình đăng ký tham gia dự án, tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của người dân, phát huy được vai trò tích cực, sáng tạo của chính bản thân người tham gia dự án, khơi dậy được mối quan hệ, tình đoàn kết, thương yêu nhau trong cộng đồng dân cư trong việc giúp nhau sản xuất... cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chính họ.

+ Xây dựng dự án, mô hình phải sát với thực tế điều kiện tự nhiên của từng địa phương. Tập trung hỗ trợ mở rộng sinh kế, phát triển sản xuất, tăng thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu cho người nghèo. Hướng dẫn thực hiện dự án phải khoa học, hợp lý để hộ nghèo, hộ cận nghèo khi tham gia dự án dễ dàng tiếp cận, triển khai dự án có hiệu quả, bền vững.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2023-2025 và định hướng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2026-2030

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo để nâng cao nhận thức, trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là tập trung thực hiện các mô hình nhằm xóa đói giảm nghèo.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, của Đảng chính sách và pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; nâng cao ý thức của người dân trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tự trang bị cho gia đình các phương tiện để nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững; phê phán các trường hợp lợi dụng chính sách, không có ý chí vươn lên, không muốn thoát nghèo.

3. Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các Dự án, chính sách giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo;

4. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo đảm bảo đủ năng lực, trình độ để tham mưu tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

6. Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác giảm nghèo; huy động nguồn lực thực hiện chương trình từ cộng đồng, người dân bằng nhiều

hình thức như: ủng hộ ngày công lao động, vốn, kinh nghiệm sản xuất...để thực hiện có hiệu quả chương trình.

7. Giảm nghèo với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường sự tham gia của người dân từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá chương trình đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trong quá trình thực hiện chương trình.

8. Phân đấu hạ thấp tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo dưới mức chuẩn theo quy định.

PHẦN THỨ BA

Đề xuất kiến nghị với các cơ quan Trung ương

1. Trước khi giải thể các xã An Hải, An Vĩnh, An Bình theo Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, thì các xã này đều được cộng nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, UBND huyện đã làm thủ tục trình UBND tỉnh và Trung ương xin công nhận huyện Lý Sơn đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên, hiện nay Trung ương vẫn chưa công nhận huyện Lý Sơn đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Nếu được Chính phủ công nhận huyện Lý Sơn đạt chuẩn nông thôn mới, kính đề nghị Chính phủ xem xét cho huyện Lý Sơn được hưởng các cơ chế, chính sách như chưa công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Vì khi huyện Lý Sơn đạt chuẩn nông thôn mới thì cũng vẫn là huyện đảo thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió bão, đời sống Nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn, các tiếp cận về y tế, giáo dục còn hạn chế, thường xuyên phải chuyển viện tuyến trên gây tốn kém tiền bạc của người dân.

Kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng nông thôn, Tài chính – Kế hoạch, LĐ, TB và XH-YT;
- VPH: CVP, PCVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Thị Hương

Phụ lục II.3

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023, DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2023-2025

(Kèm theo Báo cáo số 20/BC-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện Lý Sơn)

TT	Dự án thành phần/nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao		Tổng kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2023																											
				Tổng cộng giai đoạn 2021-2025												Chi tiết kết quả huy động theo từng năm trong giai đoạn 2021-2023															
				Tổng cộng												Năm 2021								Năm 2022							
				Trong đó		Trong đó										Trong đó								Trong đó							
				NSTW	NSDP	NSNN										NSNN								NSNN							
NSTW						NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)					NSTW				NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)				NSTW				NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)								
NSTW	NSDP	Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SN	ĐTPT	SN	Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	Tổng cộng	ĐTPT		SN		Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	Tổng cộng	ĐTPT		SN		Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)						
											Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐTPT					SN	Trong nước	ĐTPT	SN									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)
	TỔNG CỘNG	3.978	3.263	715	3.978	3.263	0	3.263	0	715	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	474	0	0	263	0	211	0	0	0
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.978	3.263	715	3.978	3.263	0	3.263	0	715	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	474	0	0	263	0	211	0	0	0	0
I	Nội dung thành phần 3: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; Chương trình OCOP; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...	3.834	3.263	571	3.834	3.263		3.263		571												474			263	0	211				
1	Nội dung 02: Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất	3.000	3.000	0	3.000	3.000		3.000		0																					
2	Nội dung 4: Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	834	263	571	834	263		263		571												474			263		211				
II	Nội dung thành phần 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; tuyên truyền về xây dựng NTM	144	-	144	144	-				144																					
1	Nội dung 02: Tuyên truyền, tập huấn	144	-	144	144	-				144																					



KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023, DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2023-2025
(Kèm theo Báo cáo số 820/BC-UBND ngày 17/5/2023 của UBND huyện Lý Sơn)

TT	Dự án thành phần/nội dung hoạt động	Tổng kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 2021-2023																			Dự kiến huy động nguồn lực giai đoạn 2024-2025						Ghi chú			
		Chi tiết kết quả huy động theo từng năm trong giai đoạn 2021-2023																												
		6 tháng đầu năm 2023										Ước cả năm 2023									Tổng cộng									
		Tổng cộng	Trong đó										Tổng cộng	Trong đó									Tổng cộng	Trong đó						
			NSNN					Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	NSNN					Vốn huy động khác	Vốn tín dụng (tổng vốn cho vay)	Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác (không phải CTMTQG)	NSNN											
NSTW			NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)			NSTW					NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)			NSTW					NSDP (bao gồm vốn đối ứng theo quy định)											
ĐTPT	SN		ĐTPT	SN	ĐTPT	SN	ĐTPT				SN	ĐTPT		SN	ĐTPT				SN	ĐTPT	SN									
Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐTPT	SN	Trong nước	ĐTPT	SN	Trong nước	ĐTPT	SN	Trong nước	ĐTPT	SN	Trong nước	ĐTPT	SN	Trong nước	ĐTPT	SN											
(1)	(2)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)	(52)	(63)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)	(59)	(60)	
	TỔNG CỘNG	1.168	0	0	1.000	0	168	0	0	0	1.168	0	0	1.000	0	168	0	0	0	2.336	0	0	2.000	0	336	0	0	0		
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.168	-	-	1.000	-	168	-	-	-	1.168	-	-	1.000	-	168	-	-	-	2.336	-	-	2.000	-	336	-	-	-		
I	Nội dung thành phần 3: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; Chương trình OCOP; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn...	1.120	-	-	1.000	-	120	-	-	-	1.120	-	-	1.000	-	120	-	-	-	2.240	-	-	2.000	-	240	-	-	-		
1	Nội dung 02: Hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết sản xuất	1.000			1.000						1.000			1.000		-				2.000			2.000							
2	Nội dung 4: Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	120					120				120			-		120				240					240					
II	Nội dung thành phần 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; tuyên truyền về xây dựng NTM	48			-	-	48	-	-	-	48	-	-	-	-	48	-	-	-	96	-	-	-	-	96	-	-	-		
1	Nội dung 02: Tuyên truyền, tập huấn	48					48				48					48				96					96					

